

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 08/2026/QH16

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 19/2017/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Phục vụ phát triển đất nước

1. Nghiên cứu chiến lược, chính sách, pháp luật, xu hướng phát triển kinh tế, các lĩnh vực hợp tác mới phục vụ hội nhập quốc tế, thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, đầu tư, viện trợ phát triển, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghệ chiến lược, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục, đào tạo, du lịch, hợp tác sử dụng nguồn nhân lực, xây dựng và thi hành pháp luật và các vấn đề liên quan khác của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; báo cáo cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, quyết sách có ý nghĩa chiến lược của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận có tác động đến sự phát triển của Việt Nam.

2. Cung cấp thông tin, giới thiệu tình hình, khả năng và nhu cầu hợp tác giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp của quốc gia tiếp nhận; hỗ trợ xác minh thông tin liên quan đến hoạt động kinh tế và tư cách pháp nhân của doanh nghiệp tại quốc gia tiếp nhận khi có yêu cầu; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển và hoạt động tại quốc gia tiếp nhận; chủ động dự báo về chính sách kinh tế, thương mại và biện pháp mà phía nước ngoài có thể áp dụng đối với Nhà nước, doanh nghiệp Việt Nam.

3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về chính sách, biện pháp thích hợp và tổ chức thực hiện nhằm phát triển quan hệ kinh tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận và thúc đẩy giao lưu nhân dân.

4. Tham gia xúc tiến, thúc đẩy hợp tác về các lĩnh vực: thương mại, đầu tư, công nghiệp văn hóa, hợp tác kinh tế mới phục vụ hội nhập quốc tế; thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài; vận động tranh thủ viện trợ và quảng bá về du lịch Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; hợp tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số, giáo dục, đào tạo, y tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận; vận động các quốc gia và tổ chức quốc tế ghi danh, công nhận di sản văn hóa; phát triển thị trường lao động ngoài nước; theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện cam kết quốc tế; chuyển giao công nghệ, thu hút chuyên gia, nhà khoa học làm việc, đóng góp cho sự phát triển của đất nước.”.

2. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:

“Điều 8. Thực hiện nhiệm vụ lãnh sự và bảo hộ công dân”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Bảo hộ lãnh sự đối với lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, pháp nhân, doanh nghiệp Việt Nam và thực hiện các nhiệm vụ lãnh sự được quy định tại Điều này trên cơ sở tuân thủ pháp luật Việt Nam, pháp luật của quốc gia tiếp nhận và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên, phù hợp với pháp luật, thông lệ quốc tế. Chủ động, kịp thời thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền các biện pháp phù hợp để bảo hộ công dân ở nước ngoài trong các vụ việc khẩn cấp, quy mô lớn.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hộ chiếu và giấy tờ khác có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Cấp, hủy bỏ thị thực; cấp, thu hồi, hủy bỏ giấy miễn thị thực của Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 13 như sau:

“13. Thực hiện một số nhiệm vụ về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Kiên nghị cơ quan có thẩm quyền về chính sách, biện pháp duy trì sự gắn bó của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với quê hương, đất nước; khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, thúc đẩy bảo tồn và lan tỏa tiếng Việt, chữ viết tiếng Việt, tham gia hoạt động trên các lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Chỉ đạo, hướng dẫn theo thẩm quyền việc thực hiện thống nhất chính sách đối ngoại đối với đại diện của cơ quan, địa phương và tổ chức Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận và đoàn được cơ quan, tổ chức Việt Nam cử đi công tác tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.”.

5. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 11 như sau:

“4. Tham gia, triển khai chuyển đổi số trong hoạt động và giao dịch của cơ quan đại diện, phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế, pháp luật và điều kiện của quốc gia tiếp nhận.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Căn cứ tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đại diện, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các cơ quan hữu quan xây dựng đề án tổng thể về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trên cơ sở đề án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ yêu cầu hoạt động và quan hệ đối ngoại, sau khi trao đổi thống nhất với các cơ quan hữu quan, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định cụ thể về cơ cấu tổ chức và nhân sự của từng lĩnh vực thuộc cơ quan đại diện để phụ trách các lĩnh vực sau đây:

a) Chính trị, đối ngoại;

b) Quốc phòng, an ninh;

c) Kinh tế, thương mại, công nghiệp, tài chính, đầu tư, du lịch, lao động, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số, nông nghiệp, môi trường, pháp luật;

d) Văn hóa, thông tin, báo chí, giáo dục, đào tạo, y tế;

đ) Lãnh sự, công tác cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài;

e) Hành chính, lễ tân, quản trị;

g) Các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.”;

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chuyển biên chế thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan đại diện; quyết định điều chuyển biên chế là cán bộ biệt phái giữa các cơ quan đại diện trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ biệt phái và ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Việc điều chuyển biên chế giữa các cơ quan đại diện được thực hiện căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, địa bàn công tác và bảo đảm nguyên tắc không vượt quá tổng chỉ tiêu biên chế được giao cho các cơ quan đại diện.”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước và nội dung công tác kế toán được thực hiện bằng đồng đô-la Mỹ và đồng tiền sở tại quy đổi ra Đồng Việt Nam. Nhà nước bảo đảm kinh phí cần thiết bằng đồng đô-la Mỹ để cơ quan đại diện thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Kinh phí chi đầu tư phát triển được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện, trừ dự án đầu tư xây dựng của các cơ quan trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và thương mại;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí của cơ quan đại diện được thực hiện theo quy định của pháp luật. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và nhiệm vụ cần thiết khác tại cơ quan đại diện sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước.”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 17 như sau:

“c) Năm vững và có năng lực tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Nhà nước; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo; có năng lực tổ chức, điều hành, tập hợp, đoàn kết nội bộ và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; có kinh nghiệm quản lý, công tác trong lĩnh vực đối ngoại; có năng lực tổ chức thực hiện chuyển đổi số; đã có thời gian giữ chức vụ phó vụ trưởng hoặc tương đương trở lên hoặc đã được phong hàm ngoại giao từ Tham tán trở lên hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế được công nhận theo quy định của Chính phủ;”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Chức vụ ngoại giao, chức vụ lãnh sự và chức vụ ngoại giao đặc thù tại cơ quan đại diện

1. Chức vụ ngoại giao bao gồm:

- a) Đại sứ đặc mệnh toàn quyền;
- b) Đại sứ;
- c) Công sứ;
- d) Tham tán Công sứ;
- đ) Tham tán;
- e) Bí thư thứ nhất;
- g) Bí thư thứ hai;
- h) Bí thư thứ ba;
- i) Tùy viên.

2. Chức vụ lãnh sự bao gồm:

- a) Tổng Lãnh sự;
- b) Phó Tổng Lãnh sự;
- c) Lãnh sự;
- d) Phó Lãnh sự;
- đ) Tùy viên lãnh sự.

3. Chức vụ ngoại giao đặc thù bao gồm:

- a) Đại biện;
- b) Tùy viên Quốc phòng;
- c) Phó Tùy viên Quốc phòng;
- d) Trợ lý Tùy viên Quốc phòng;

đ) Chức vụ ngoại giao đặc thù khác theo lĩnh vực chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.”

10. Bổ sung một số khoản của Điều 21 như sau:

- a) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Quyết định việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác giữa cơ quan đại diện với đối tác nước ngoài trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện. Việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.”;

b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:

“4a. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện và trong công tác quản lý, vận hành cơ quan đại diện theo quy định của pháp luật.”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Trợ cấp và chế độ ưu đãi trong trường hợp công tác tại khu vực đang xảy ra xung đột vũ trang, thảm họa do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trong điều kiện công tác đặc biệt khó khăn. Trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trường hợp xung đột vũ trang gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện;”;

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Ngoài các chế độ quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên cơ quan đại diện được hưởng phụ cấp địa bàn kiêm nhiệm (nếu có).”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan đại diện được bảo đảm chi phí mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh, chế độ vé máy bay tương tự như đối với vợ hoặc chồng thành viên cơ quan đại diện, trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trường hợp xung đột vũ trang gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện. Con đi theo thành viên cơ quan đại diện được hỗ trợ học phí hàng tháng tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở cho đến hết bậc trung học phổ thông tại quốc gia tiếp nhận.”.

12. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số khoản của Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:

“Điều 32. Thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước cử và triệu hồi Đại diện của Chủ tịch nước tại tổ chức quốc tế.

Quyết định kéo dài nhiệm kỳ của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền căn cứ bối cảnh, tình hình, yêu cầu nhiệm vụ đối ngoại tại địa bàn và báo cáo Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ. Thời hạn kéo dài nhiệm kỳ tối đa không quá 36 tháng.”;

c) Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 như sau:

“6a. Chỉ đạo người đứng đầu cơ quan đại diện về nước trên cơ sở yêu cầu công tác đối ngoại hoặc quản lý; trường hợp cần thiết, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm người đứng đầu cơ quan đại diện theo quy định.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Bổ nhiệm, kéo dài nhiệm kỳ, triệu hồi thành viên của cơ quan đại diện, trừ trường hợp được quy định tại khoản 6 Điều này.”;

đ) Bổ sung khoản 8a và khoản 8b vào sau khoản 8 như sau:

“8a. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và trên cơ sở thỏa thuận với quốc gia tiếp nhận, quyết định việc xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài. Ban hành quy định về nguyên tắc giải quyết công tác lãnh sự, việc ký giấy tờ lãnh sự tại cơ quan đại diện phù hợp với đặc thù về tổ chức và hoạt động của cơ quan đại diện.

8b. Quy định việc thành lập, tạm đình chỉ, chấm dứt hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoạt động của Lãnh sự danh dự.”;

e) Bỏ từ “, thanh tra” tại khoản 4.

13. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 33 như sau:

“b) Thông báo cho cơ quan đại diện dự kiến chương trình, kế hoạch hoạt động đối ngoại tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận trước ngày hoạt động đối ngoại diễn ra ít nhất 07 ngày làm việc; trường hợp đề nghị cơ quan đại diện hỗ trợ cần gửi đề nghị trước ngày hoạt động đối ngoại diễn ra ít nhất 30 ngày; trường hợp khẩn cấp hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền phải thông báo cho cơ quan đại diện ngay khi phát sinh và nêu rõ lý do;”.

14. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 35 như sau:

“3. Các bộ phận cán bộ biệt phái trực thuộc cơ quan đại diện báo cáo người đứng đầu cơ quan đại diện định kỳ hoặc theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan đại diện về kết quả hoạt động đối ngoại và các nhiệm vụ cụ thể do cơ quan đại diện giao.”.

15. Bãi bỏ khoản 8 Điều 4 và Điều 28.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 8 của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 23/2023/QH15 và Luật số 118/2025/QH15 như sau:

“11. Người đang phục vụ trong ngành ngoại giao đã được phong hàm ngoại giao hoặc giữ chức vụ ngoại giao, chức vụ lãnh sự, chức vụ ngoại giao đặc thù tại cơ quan đại diện theo quy định của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.”.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn